

Số: **115/2020/QĐST-HNGĐ**

Phú Mỹ, ngày 17 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 253/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp T, xã HL, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Ông Trần Quang H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố PL, phường MX, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H chung sống với nhau từ năm 2013. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã MX, huyện TT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là phường MX, thị xã PM) vào ngày 21/01/2013.

Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Tòa án đã hòa giải, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu được thuận tình ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H có 01 con chung là cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 10/9/2018. Bà L và ông H thỏa thuận giao cháu A cho

bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà L tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay cháu A đang sống với bà L, vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, tinh thần của cháu A cần chấp nhận yêu cầu, giao cháu A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà L không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 10/9/2018. Bà L và ông H thỏa thuận giao cháu A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà L tự nguyện không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Quang H được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Trần Quang H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2020/0005402 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường MX, TX Phú Mỹ;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nhung